

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 49

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 5 năm 1993 và các lần sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 26 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 9 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và một chi nhánh tại Tòa A - Lô Vb.27b-28-29, Đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch
Ông Gum Ki Ho	Thành viên
Ông Kwon Oh Soo	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên
Ông Lê Việt Hà	Thành viên
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Mai Thu Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên
Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn (*)	
Ông Hồ Thanh Tùng	Phó Chủ tịch Điều hành cấp cao Tập đoàn kiêm Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn Giám đốc Quản trị Tập đoàn	
Ông Đặng Ngọc Bảo	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2025
Ông Phạm Ngọc Bắc	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	
Ông Đặng Tùng Sơn	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn Giám đốc Chiến lược	
Ông Đặng Văn Tú	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn Giám đốc Công nghệ	
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn Giám đốc Tài chính	
Ông Đặng Minh Tuấn	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Phó Đức Kiên	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Trần Quốc Chính	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Lê Anh Linh	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Hải Sơn	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Việt Bách	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025

(*) Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC và các công ty con.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Điều hành Tập đoàn và Ông Hồ Thanh Tùng, Phó Chủ tịch Điều hành cấp cao Tập đoàn kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề Ngày 27 tháng 11 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Điều hành:



Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 11 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11887657/68680872/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 11 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 11 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 9 năm 2025

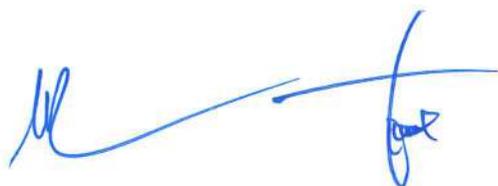
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		689.712.749.169	567.324.779.254
110	I. Tiền	4	58.580.408.015	7.392.260.782
111	1. Tiền		58.580.408.015	7.392.260.782
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		622.634.758.948	548.506.765.849
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	121.561.229.638	117.255.841.708
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	48.410.489.458	8.281.870.950
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	34.570.000.000	22.970.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	428.557.414.130	410.463.427.469
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(10.464.374.278)	(10.464.374.278)
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		8.497.582.206	11.425.752.623
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	4.637.901.914	7.765.372.855
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.859.680.292	3.660.379.768
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.022.791.070.728	3.023.989.744.874
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.005.000.000	5.005.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.005.000.000	5.005.000.000
220	II. Tài sản cố định		586.344.908.582	608.174.215.409
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	583.068.925.161	604.291.430.651
222	Nguyên giá		916.689.068.389	915.064.498.520
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(333.620.143.228)	(310.773.067.869)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	3.275.983.421	3.882.784.758
228	Nguyên giá		28.043.185.150	28.043.185.150
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(24.767.201.729)	(24.160.400.392)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		976.677.793.372	931.831.174.375
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	976.677.793.372	931.831.174.375
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	1.382.965.631.830	1.405.304.709.598
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.575.851.401.467	1.575.851.401.467
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		7.258.356.000	7.258.356.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(200.144.125.637)	(177.805.047.869)
260	V. Tài sản dài hạn khác		71.797.736.944	73.674.645.492
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	71.797.736.944	73.674.645.492
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.712.503.819.897	3.591.314.524.128

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.251.880.561.654	1.186.355.151.859
310	I. Nợ ngắn hạn		641.664.272.561	569.444.372.120
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	66.440.988.277	75.817.708.902
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		18.683.496	15.933.494
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.400.092.888	2.194.856.288
314	4. Phải trả người lao động		2.629.568.122	2.714.421.119
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	26.712.000.309	23.112.855.121
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	3.657.665.780	3.422.196.028
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	17.098.815.503	15.778.859.985
320	8. Vay ngắn hạn	20	489.106.324.036	433.547.698.514
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	30.600.134.150	12.839.842.669
330	II. Nợ dài hạn		610.216.289.093	616.910.779.739
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	42.724.192.319	42.629.749.099
338	2. Vay dài hạn	20	562.846.747.458	572.604.784.505
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.2	1.705.244.305	1.676.246.135
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	22	2.940.105.011	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.460.623.258.243	2.404.959.372.269
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	2.460.623.258.243	2.404.959.372.269
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.117.839.070.000	2.113.396.070.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.117.839.070.000	2.113.396.070.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.062.540.400	27.062.540.400
415	3. Cổ phiếu quỹ		(388.000.000)	(388.000.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		316.109.647.843	264.888.761.869
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		220.890.273.725	3.786.049.956
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		95.219.374.118	261.102.711.913
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.712.503.819.897	3.591.314.524.128



Nguyễn Hồng Phương
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuệ
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

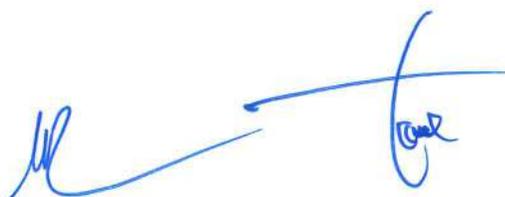
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.1	131.769.141.366	121.152.296.722
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	25.1	131.769.141.366	121.152.296.722
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	26	(59.803.810.351)	(51.189.011.195)
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		71.965.331.015	69.963.285.527
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	104.672.185.002	92.023.739.689
22	7. Chi phí tài chính	27	(41.143.558.510)	(38.504.380.293)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(18.804.480.742)	(15.413.326.866)
25	8. Chi phí bán hàng		(532.490.509)	(460.624.792)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(39.254.734.585)	(32.621.788.754)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		95.706.732.413	90.400.231.377
31	11. Thu nhập khác		254.299.875	218.739.613
32	12. Chi phí khác		(712.660.000)	(43.459.178)
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(458.360.125)	175.280.435
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		95.248.372.288	90.575.511.812
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.2	(28.998.170)	(28.998.170)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		95.219.374.118	90.546.513.642



Nguyễn Hồng Phương
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuệ
Giám đốc Tài chính



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 11 năm 2025



Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		95.248.372.288	90.575.511.812
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và phân bổ tiền thuê dài hạn		25.506.573.111	23.360.884.010
03	Các khoản dự phòng		22.339.077.768	23.091.053.427
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	25.2	(104.660.388.502)	(92.023.739.689)
06	Chi phí lãi vay	27	18.804.480.742	15.413.326.866
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		57.238.115.407	60.417.036.426
09	Tăng các khoản phải thu		(27.489.922.995)	(17.209.967.214)
11	Giảm các khoản phải trả		(5.984.094.605)	(31.602.330.709)
12	Giảm chi phí trả trước		2.951.683.074	1.771.428.857
14	Tiền lãi vay đã trả		(13.797.489.172)	(12.420.457.748)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.298.091.652)	(20.398.988.291)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(10.379.799.943)	(19.443.278.679)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(88.155.120.738)	(81.341.641.811)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(16.600.000.000)	(30.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	52.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(65.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		111.150.793.039	82.228.459.223
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng) vào hoạt động đầu tư		11.395.672.301	(42.113.182.588)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		4.443.000.000	4.123.000.000
32	Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(418.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		243.424.323.356	214.027.610.284
34	Tiền trả nợ gốc vay		(197.623.734.881)	(142.137.462.309)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(71.313.600)	(57.998.811)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		50.172.274.875	75.537.149.164
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		51.188.147.233	13.980.687.897
60	Tiền đầu năm		7.392.260.782	12.399.440.394
70	Tiền cuối kỳ	4	58.580.408.015	26.380.128.291

Nguyễn Hồng Phương
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuệ
Giám đốc Tài chính



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 11 năm 2025

Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 5 năm 1993 và các lần sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 26 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 9 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và 1 chi nhánh tại Tòa A – Lô Vb.27b-28-29, Đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 là 116 (ngày 31 tháng 3 năm 2025: 111).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty có 17 công ty con (ngày 31 tháng 3 năm 2025: 15 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (i)	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,63%	54,63%
Công ty TNHH CMC Global	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Consulting	Hà Nội	Dịch vụ và phân phối các sản phẩm phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Blue France (ii)	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực ICT	100%	100%
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an toàn an ninh thông tin	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Japan (iii)	Nhật Bản	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương (iii)	Singapore	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Korea (iii)	Hàn Quốc	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Global Malaysia SDN.BHD (iii) (iv)	Malaysia	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cung cấp linh kiện điện tử	100%	100%
Công ty TNHH CMC Education	Hà Nội	Đào tạo đại học	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC (iii)	Hà Nội	Đào tạo đại học	78,71%	78,71%
Trường Đại học CMC (iii)	Hà Nội	Đào tạo đại học	72,67%	92,33%
Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI	Hà Nội	Hạ tầng số	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC OpenAI (iii) (v)	Hà Nội	Xuất bản phần mềm	99%	99%

(i) Tỷ lệ lợi ích 54,63% bao gồm phần sở hữu gián tiếp thông qua Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC với tỷ lệ 9,1%.

(ii) Công ty TNHH Blue France đã tạm dừng hoạt động.

(iii) Công ty gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các đơn vị này thông qua các công ty con lần lượt là Công ty TNHH CMC Global, Công ty TNHH CMC Education và Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI.

(iv) Vào ngày 13 tháng 6 năm 2025, Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương - một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn, đã thành lập công ty CMC Global Malaysia SDN.BHD. Hoạt động chính của Công ty TNHH CMC Global Malaysia SDN.BHD là cung cấp các dịch vụ phát triển phần mềm, thiết kế phần mềm và các dịch vụ giải pháp công nghệ thông tin cũng như kinh doanh máy tính, phần mềm và thiết bị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

(v) Vào ngày 31 tháng 7 năm 2025, Chủ tịch của Công ty Hạ tầng số CMC AI - một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn, đã ban hành Quyết định số 01/2025/CMC ADI/QĐ-CT về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần CMC OpenAI, với tổng vốn điều lệ là 100.000.000.000 VND. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần CMC OpenAI là xử lý dữ liệu, cho thuê hạ tầng số và các hoạt động liên quan. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty Hạ tầng số CMC AI vẫn đang thực hiện các thủ tục góp vốn vào Công ty Cổ phần CMC OpenAI.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề Ngày 27 tháng 11 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	19 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 8 năm 2011 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016 và Thông tư 05/2022/TT-BKHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2022. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc hoàn thành thực tế và được xác nhận bởi khách hàng theo từng hợp đồng tại ngày báo cáo.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê văn phòng

Thu nhập từ tiền cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản này trong lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Tiền mặt	1.565.725.908	1.451.694.364
Tiền gửi ngân hàng	57.014.682.107	5.940.566.418
TỔNG CỘNG	<u>58.580.408.015</u>	<u>7.392.260.782</u>

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Phải thu từ khách hàng khác	996.853.590	792.232.028
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	120.564.376.048	116.463.609.680
TỔNG CỘNG	<u>121.561.229.638</u>	<u>117.255.841.708</u>

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng SOL E&C	42.442.600.000	-
GMP International GMBH	3.218.475.548	3.566.177.893
Trả trước cho người bán khác	2.749.413.910	4.715.693.057
TỔNG CỘNG	<u>48.410.489.458</u>	<u>8.281.870.950</u>

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 31)	34.570.000.000	22.970.000.000
TỔNG CỘNG	<u>34.570.000.000</u>	<u>22.970.000.000</u>

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay bên liên quan ngắn hạn được trình bày như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	34.570.000.000	Gốc và lãi cho vay được hoàn trả vào ngày 31 tháng 3 năm 2026.	4,6 - 8%/năm	Khoản phải thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Bên vay.
TỔNG CỘNG	<u>34.570.000.000</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025		Ngày 31 tháng 3 năm 2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	350.677.784.186	-	357.977.784.186	-
Các khoản chi hộ	12.587.420.163	(6.250.054.278)	14.743.765.586	(6.250.054.278)
Tạm ứng cho nhân viên	56.582.266.595	-	29.925.872.103	-
Phải thu ngắn hạn khác	8.709.943.186	(4.214.320.000)	7.816.005.594	(4.214.320.000)
TỔNG CỘNG	428.557.414.130	(10.464.374.278)	410.463.427.469	(10.464.374.278)
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên thứ ba</i>	367.277.195.123	(6.250.054.278)	376.042.117.195	(6.250.054.278)
	61.280.219.007	(4.214.320.000)	34.421.310.274	(4.214.320.000)
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	5.005.000.000	-	5.005.000.000	-
TỔNG CỘNG	5.005.000.000	-	5.005.000.000	-

8. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025		Ngày 31 tháng 3 năm 2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH CMC Blue France	6.250.054.278	-	6.250.054.278	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Geleximco	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	714.320.000	-	714.320.000	-
TỔNG CỘNG	10.464.374.278	-	10.464.374.278	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	565.607.819.601	337.510.774.904	6.442.280.000	5.503.624.015	915.064.498.520
- Mua trong kỳ	-	-	1.587.542.091	37.027.778	1.624.569.869
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	565.607.819.601	337.510.774.904	8.029.822.091	5.540.651.793	916.689.068.389
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	88.453.874.870	-	3.922.502.969	92.376.377.839
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	114.431.297.471	188.122.953.971	4.345.255.487	3.873.560.940	310.773.067.869
- Khấu hao trong kỳ	11.536.725.558	10.736.731.279	361.923.838	211.694.684	22.847.075.359
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	125.968.023.029	198.859.685.250	4.707.179.325	4.085.255.624	333.620.143.228
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	451.176.522.130	149.387.820.933	2.097.024.513	1.630.063.075	604.291.430.651
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	439.639.796.572	138.651.089.654	3.322.642.766	1.455.396.169	583.068.925.161

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, một số tài sản cố định hữu hình được sử dụng làm tài sản thế chấp các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	195.615.549	27.392.165.420	455.404.181	28.043.185.150
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	195.615.549	27.392.165.420	455.404.181	28.043.185.150
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	195.615.549	20.521.872.474	201.348.181	20.918.836.204
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	195.615.549	23.643.465.773	321.319.070	24.160.400.392
- Hao mòn trong kỳ	-	564.458.670	42.342.667	606.801.337
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	195.615.549	24.207.924.443	363.661.737	24.767.201.729
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	-	3.748.699.647	134.085.111	3.882.784.758
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	-	3.184.240.977	91.742.444	3.275.983.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Dự án "Không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội - CMC Creative Space Hanoi" (*)	670.231.047.511	629.748.385.199
Dự án "Không gian sáng tạo CMC tại Thành phố Hồ Chí Minh - CMC Creative Space HCM" (**)	291.378.279.383	288.178.705.040
Phần mềm SAP Finance (giai đoạn 2)	5.342.648.000	5.034.008.000
Dự án cải tạo văn phòng	3.302.563.125	3.302.563.125
Dự án "Không gian sáng tạo CMC tại Hòa Lạc - CMC Creative Space Hòa Lạc"	2.809.883.067	2.391.960.107
Dự án "Trung tâm dữ liệu siêu quy mô tại khu công nghệ cao TP HCM"	2.721.940.266	2.324.407.011
Dự án "Không gian sáng tạo CMC tại Đà Nẵng - CMC Creative Space Đà Nẵng"	891.432.020	851.145.893
TỔNG CỘNG	<u>976.677.793.372</u>	<u>931.831.174.375</u>

(*) Đây là dự án xây dựng Khu phức hợp văn phòng, trung tâm thương mại của Công ty tại Khu trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây, Phường Xuân Đỉnh, Thành phố Hà Nội.

(**) Đây là một phần dự án xây dựng tòa nhà văn phòng của Công ty tại khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản sẽ được hình thành từ Dự án này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

12. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay thuần với giá trị là 10,9 tỷ VND cho Dự án "Không gian sáng tạo CMC tại Thành phố Hồ Chí Minh - CMC Creative Space HCM" và Dự án "Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội - CMC Creative Space Hanoi".

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025			Ngày 31 tháng 3 năm 2025			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư vào công ty con							
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	1.575.851.401.467	(200.144.125.637)	1.375.707.275.830	1.575.851.401.467	(177.805.047.869)	1.398.046.353.598	
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	310.000.000.000	-	310.000.000.000	310.000.000.000	-	310.000.000.000	
Công ty TNHH CMC Global	50.000.000.000	(50.000.000.000)	-	50.000.000.000	(50.000.000.000)	-	
Công ty TNHH CMC Consulting	200.000.000.000	-	200.000.000.000	200.000.000.000	-	200.000.000.000	
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	40.030.983.260	(11.510.961.153)	28.520.022.107	40.030.983.260	(11.510.961.153)	28.520.022.107	
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	284.223.784.352	-	284.223.784.352	284.223.784.352	-	284.223.784.352	
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	
Công ty TNHH CMC Blue France	100.000.000.000	(1.725.018.889)	98.274.981.111	100.000.000.000	(1.725.018.889)	98.274.981.111	
Công ty TNHH CMC Education	5.364.536.000	(5.364.536.000)	-	5.364.536.000	(5.364.536.000)	-	
Công ty TNHH Hạ tầng số AI	281.232.097.855	(131.543.609.595)	149.688.488.260	281.232.097.855	(109.204.531.827)	172.027.566.028	
	300.000.000.000	-	300.000.000.000	300.000.000.000	-	300.000.000.000	
Đầu tư vào công ty liên kết							
Công ty Cổ phần Netnam	7.258.356.000	-	7.258.356.000	7.258.356.000	-	7.258.356.000	
	7.258.356.000	-	7.258.356.000	7.258.356.000	-	7.258.356.000	
TỔNG CỘNG	1.583.109.757.467	(200.144.125.637)	1.382.965.631.830	1.583.109.757.467	(177.805.047.869)	1.405.304.709.598	

Công ty chưa xác định được giá trị của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Netnam, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100896284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại Tầng 2, tòa nhà HITC, số 239 đường Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh có địa chỉ tại số 10A Nguyễn Thị Minh Khai, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ mạng internet. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty nắm 41,14% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty liên kết này.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Ngắn hạn		
Chi phí hội viên sáng lập Trung tâm Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4	3.150.000.000	6.930.000.000
Chi phí trả trước khác	1.487.901.914	835.372.855
TỔNG CỘNG	4.637.901.914	7.765.372.855
Dài hạn		
Chi phí thuê đất trả trước	69.527.040.239	71.579.736.654
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	498.165.778	535.665.637
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.772.530.927	1.559.243.201
TỔNG CỘNG	71.797.736.944	73.674.645.492

15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>		<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán	60.423.269.836	60.423.269.836	61.095.065.551	61.095.065.551
- Công ty Cổ phần Xây dựng Central	58.566.272.367	58.566.272.367	58.566.272.367	58.566.272.367
- Các nhà cung cấp khác	1.856.997.469	1.856.997.469	2.528.793.184	2.528.793.184
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	6.017.718.441	6.017.718.441	14.722.643.351	14.722.643.351
TỔNG CỘNG	66.440.988.277	66.440.988.277	75.817.708.902	75.817.708.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ	Ngày 30 tháng 9 năm 2025
Thuế giá trị gia tăng	1.268.736.856	12.431.202.348	(8.576.852.033)	5.123.087.171
Thuế thu nhập cá nhân	926.119.432	1.701.376.290	(2.350.490.005)	277.005.717
Thuế khác	-	1.186.604.324	(1.186.604.324)	-
TỔNG CỘNG	2.194.856.288	15.319.182.962	(12.113.946.362)	5.400.092.888

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Chi phí xây dựng, sửa chữa	6.411.370.566	8.945.988.859
Lãi vay phải trả	12.012.573.166	8.339.756.300
Chi phí dịch vụ	2.793.518.243	2.443.676.940
Chi phí thuê đất	3.186.226.728	2.021.355.110
Chi phí khác	2.308.311.606	1.362.077.912
TỔNG CỘNG	26.712.000.309	23.112.855.121

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn bao gồm các khoản tiền thuê văn phòng nhận trước từ các khách hàng là bên thứ ba và bên liên quan đang thuê diện tích văn phòng tại tòa nhà CMC Tower và tòa nhà CMC Creative Space HCM.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.010.370.653	1.081.944.000
Phải trả tiền lãi vay	12.743.379.686	11.365.361.689
Cổ tức phải trả	1.533.883.739	1.605.197.339
Kinh phí công đoàn	361.275.793	257.781.793
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.449.905.632	1.468.575.164
TỔNG CỘNG	17.098.815.503	15.778.859.985

Dài hạn

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	42.724.192.319	42.629.749.099
------------------------------	----------------	----------------

TỔNG CỘNG

42.724.192.319	42.629.749.099
-----------------------	-----------------------

Trong đó

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	12.743.379.686	11.365.398.560
Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	29.636.074.531	29.520.396.931
Phải trả ngắn hạn khác cho bên thứ ba	4.355.435.817	4.413.461.425
Phải trả dài hạn khác cho bên thứ ba	13.088.117.788	13.109.352.168

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 9 năm 2025		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn							
Vay hạn mức ngân hàng							
(Thuyết minh 20.1)	39.068.281.986	39.068.281.986	65.175.083.075	(44.316.686.033)	59.926.679.028	59.926.679.028	
Vay đối tượng khác (thuyết minh 20.2)	83.114.776.884	83.114.776.884	3.199.583.374	(65.396.368.422)	20.917.991.836	20.917.991.836	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả							
(Thuyết minh 20.3)	125.514.639.644	125.514.639.644	64.177.533.351	(62.757.319.823)	126.934.853.172	126.934.853.172	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 31)	185.850.000.000	185.850.000.000	120.000.000.000	(24.523.200.000)	281.326.800.000	281.326.800.000	
TỔNG CỘNG	433.547.698.514	433.547.698.514	252.552.199.800	(196.993.574.278)	489.106.324.036	489.106.324.036	
Dài hạn							
Vay ngân hàng							
(Thuyết minh 20.3)	398.943.965.217	398.943.965.217	55.714.722.043	(64.887.640.116)	389.771.047.144	389.771.047.144	
Vay đối tượng khác (thuyết minh 20.2)	82.046.409.288	82.046.409.288	2.534.518.238	(3.119.637.212)	81.461.290.314	81.461.290.314	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 31)	91.614.410.000	91.614.410.000	-	-	91.614.410.000	91.614.410.000	
TỔNG CỘNG	572.604.784.505	572.604.784.505	58.249.240.281	(68.007.277.328)	562.846.747.458	562.846.747.458	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 9 năm 2025 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	25.834.646.836	Kỳ hạn vay 3 tháng, lãi vay được trả hàng tháng, đáo hạn cuối cùng ngày 26 tháng 1 năm 2026.	5,20%	Tín chấp
	34.092.032.192	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay được trả hàng tháng, đáo hạn cuối cùng ngày 15 tháng 2 năm 2026.	4,80 - 5,26%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>59.926.679.028</u>			

20.2 Vay đối tượng khác

Đây là các khoản vay từ một số cá nhân với thời hạn vay từ 1 – 3 năm kể từ ngày giải ngân với khoản vay cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 12 tháng 6 năm 2027. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 6,58%/năm, lãi vay trả hàng quý theo hình thức nhập gốc sau khi đã trừ thuế thu nhập cá nhân.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 9 năm 2025 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	260.721.817.143	Kỳ hạn vay 44 - 82 tháng. Sau thời gian ân hạn một năm, gốc vay được trả định kỳ 3 tháng/lần, lãi vay được trả hàng tháng, đáo hạn cuối cùng ngày 27 tháng 4 năm 2032.	6,58 - 6,68%	Tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Lô C1A, Cụm Sản xuất Tiêu thụ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội (nay là Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội).
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	255.984.083.173	Kỳ hạn vay 57 - 60 tháng. Gốc vay được trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi vay được trả hàng tháng, đáo hạn cuối cùng ngày 23 tháng 1 năm 2030.	6,48%	Các khoản thu được từ Khu đất theo Hợp đồng thuê đất số 177-2005/TNMTNĐ-HĐĐTĐN ngày 30/11/2005 và các Phụ lục Hợp đồng thuê đất kèm theo tại Cụm Sản xuất Tiêu thụ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ Phường Cầu Giấy. Quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 2, Lô Vb.27b-28-29 Đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh và toàn bộ tòa nhà "Không gian sáng tạo CMC tại Thành phố Hồ Chí Minh - CMC Creative Space HCM" được tạo lập trên diện tích đất thuộc Quyền sử dụng đất.

TỔNG CỘNG

516.705.900.316

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn

trả

126.934.853.172

- Vay dài hạn

389.771.047.144

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Số đầu kỳ	12.839.842.669	5.916.602.965
Trích quỹ trong kỳ (<i>Thuyết minh số 23</i>)	20.888.216.953	20.712.847.505
Sử dụng quỹ trong kỳ	(3.127.925.472)	(2.651.105.936)
Số cuối kỳ	<u>30.600.134.150</u>	<u>23.978.344.534</u>

22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Số đầu kỳ	-	1.799.872.161
Trích quỹ trong kỳ (<i>Thuyết minh số 23</i>)	23.110.271.191	25.891.059.382
Sử dụng quỹ trong kỳ	(20.170.166.180)	(17.747.882.355)
Số cuối kỳ	<u>2.940.105.011</u>	<u>9.943.049.188</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2024	1.900.269.960.000	27.062.540.400	-	259.811.066.843	2.187.143.567.243
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	90.546.513.642	90.546.513.642
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(20.712.847.505)	(20.712.847.505)
- Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-	(25.891.059.382)	(25.891.059.382)
- Tăng vốn từ phát hành ESOP	4.123.000.000	-	-	-	4.123.000.000
- Thu hồi cổ phiếu ESOP đã phát hành	-	-	(418.000.000)	-	(418.000.000)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024	1.904.392.960.000	27.062.540.400	(418.000.000)	303.753.673.598	2.234.791.173.998

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	2.113.396.070.000	27.062.540.400	(388.000.000)	264.888.761.869	2.404.959.372.269
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	95.219.374.118	95.219.374.118
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(20.888.216.953)	(20.888.216.953)
- Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ (i)	-	-	-	(23.110.271.191)	(23.110.271.191)
- Tăng vốn từ phát hành ESOP (ii)	4.443.000.000	-	-	-	4.443.000.000
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	2.117.839.070.000	27.062.540.400	(388.000.000)	316.109.647.843	2.460.623.258.243

(i) Công ty đã thực hiện trích các quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, và quỹ phát triển khoa học công nghệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2025/NQ ĐHCĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025. Cũng theo Nghị quyết này, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 với tỷ lệ chi trả cổ tức là 10%/cổ phiếu. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai các thủ tục chi trả cổ tức này.

(ii) Công ty đã thực hiện tăng vốn thông qua hình thức phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Công ty số 16/2025/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 8 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025			Ngày 31 tháng 3 năm 2025		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn đã góp của chủ sở hữu	211.783.907	211.783.907	-	211.339.607	211.339.607	-
TỔNG CỘNG	211.783.907	211.783.907	-	211.339.607	211.339.607	-

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ	2.113.396.070.000	1.900.269.960.000
Tăng trong kỳ	4.443.000.000	4.123.000.000
Số cuối kỳ	2.117.839.070.000	1.904.392.960.000
Cổ tức đã công bố trong kỳ	-	-
Cổ tức đã trả trong kỳ	71.313.600	57.998.811
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng cổ phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng tiền	71.313.600	57.998.811

23.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025 Số cổ phần	Ngày 31 tháng 3 năm 2025 Số cổ phần
Cổ phiếu đã được duyệt	211.783.907	211.339.607
Cổ phiếu đã phát hành	211.783.907	211.339.607
Cổ phiếu phổ thông	211.783.907	211.339.607
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(38.800)	(38.800)
Cổ phiếu phổ thông	(38.800)	(38.800)
Cổ phiếu đang lưu hành	211.745.107	211.300.807
Cổ phiếu phổ thông	211.745.107	211.300.807

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 31 tháng 3 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	717,49	14.553,22

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Tổng doanh thu	131.769.141.366	121.152.296.722
Trong đó:		
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	127.639.141.366	120.042.296.722
Doanh thu dịch vụ khác	4.130.000.000	1.110.000.000

Các khoản giảm trừ doanh thu

	-	-
Doanh thu thuần	131.769.141.366	121.152.296.722

Trong đó:		
Doanh thu đối với bên thứ ba	26.800.384.170	25.619.975.211
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	104.968.757.196	95.532.321.511

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Cổ tức và lợi nhuận được chia	103.555.330.000	84.248.272.276
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.116.855.002	7.775.467.413
TỔNG CỘNG	104.672.185.002	92.023.739.689

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	58.741.825.820	50.865.938.054
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	1.061.984.531	323.073.141
TỔNG CỘNG	59.803.810.351	51.189.011.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Dự phòng đầu tư tài chính	22.339.077.768	23.091.053.427
Chi phí lãi vay	18.804.480.742	15.413.326.866
TỔNG CỘNG	41.143.558.510	38.504.380.293

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Chi phí nhân viên	20.185.965.444	18.249.852.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.048.850.024	3.180.069.117
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.660.271.989	1.166.812.253
Chi phí vật liệu	45.208.705	53.199.610
Các chi phí khác	13.314.438.423	9.971.855.153
TỔNG CỘNG	39.254.734.585	32.621.788.754

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Chi phí vật liệu	45.208.705	53.199.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.914.855.924	26.243.061.591
Chi phí khấu hao và hao mòn, phân bổ tiền thuê đất dài hạn	25.506.573.111	23.360.884.010
Chi phí nhân công	20.185.965.444	18.249.852.621
Chi phí khác	18.938.432.261	16.364.426.909
TỔNG CỘNG	99.591.035.445	84.271.424.741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	95.248.372.288	90.575.511.812
Các điều chỉnh tăng/(giảm)		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	277.200.000	167.000.000
Các khoản điều chỉnh khác	218.189.000	218.189.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(103.555.330.000)	(84.248.272.276)
Lỗi các năm trước chuyển sang	-	(6.712.428.536)
Lỗi tính thuế chưa được ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	7.811.568.712	-
Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tạm thời do thời gian khấu hao tài sản	1.705.244.305	1.676.246.135		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ			28.998.170	28.998.170

30.3 Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm liên tục kể từ sau năm khoản lỗ đó. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty có khoản lỗ lũy kế là: 33.912.153.102 VND. Chi tiết như sau:

Năm/kỳ phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 9 năm 2025	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ vào ngày 30 tháng 9 năm 2025
2023	2028	(24.665.686.182)	-	-	(24.665.686.182)
2024	2029	(1.434.898.208)	-	-	(1.434.898.208)
6 tháng 2025	2030	(7.811.568.712)	-	-	(7.811.568.712)
TỔNG CỘNG		(33.912.153.102)	-	-	(33.912.153.102)

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ lũy kế này do chưa dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con
Công ty TNHH CMC Blue France	Công ty con
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con
Công ty Cổ phần CMC Japan	Công ty con
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần CMC Korea	Công ty con
Công ty TNHH CMC Education	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC	Công ty con
Trường Đại học CMC	Công ty con
Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI	Công ty con
Công ty Cổ phần CMC OpenAI	Công ty con
Công ty TNHH CMC Global Malaysia SDN.BHD	Công ty con
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Các cá nhân thuộc Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành như đã được đề cập ở phần Thông tin chung	Các cá nhân là nhân sự chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 và 30 tháng 9 năm 2024 bao gồm:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.979.673.875	9.580.908.872
		Mua dịch vụ	1.364.767.108	24.937.166.444
		Lãi vay phải trả	-	276.986.300
		Vay nội bộ	-	30.000.000.000
		Trả gốc vay	-	10.000.000.000
		Lợi nhuận được chia	32.700.000.000	5.842.059.850
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.642.344.059	72.850.131.279
		Mua dịch vụ	1.417.385.659	912.932.640
		Nhận đặt cọc thuê văn phòng	115.677.600	3.450.982.120
		Lợi nhuận được chia	-	29.120.026.650
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.553.832.930	1.343.367.690
		Mua dịch vụ	782.998.573	1.131.731.786
		Trả nợ gốc vay	-	10.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 và 30 tháng 9 năm 2024 bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	11.600.000.000	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	878.097.895	862.018.785
		Lãi cho vay	760.723.246	358.728.766
		Mua dịch vụ	165.000.000	330.000.000
		Thu hồi khoản cho vay ngắn hạn	-	10.000.000.000
		Góp vốn	-	10.000.000.000
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Lợi nhuận được chia	40.000.000.000	18.431.185.776
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.523.115.477	9.016.268.812
		Lãi vay phải trả	121.095.890	965.205.480
		Trả nợ gốc vay	-	42.000.000.000
		Mua dịch vụ	-	1.322.400.000
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	30.855.000.000	30.855.000.000
		Mua hàng hóa và dịch vụ	22.200.000	-
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.110.000.000	1.110.000.000
		Lãi vay phải trả	1.377.981.126	1.378.161.619
Công ty TNHH CMC Education	Công ty con	Vay nội bộ ngắn hạn	-	22.000.000.000
		Trả nợ gốc vay	-	7.000.000.000
		Lãi vay phải trả	-	505.397.260
		Thu hồi khoản cho vay ngắn hạn	5.000.000.000	-
		Cho vay nội bộ ngắn hạn	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Doanh thu cung cấp dịch vụ	768.444.960	769.626.073
		Mua dịch vụ	65.900.000	-
		Đặt cọc thuê văn phòng	-	357.654.960
Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI	Công ty con	Vay nội bộ ngắn hạn	120.000.000.000	-
		Trả vay nội bộ ngắn hạn	24.523.200.000	-
		Lãi vay phải trả	6.286.382.631	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.513.248.000	-
		Góp vốn bằng tiền mặt	-	55.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay và đi vay có lãi suất trình bày trên thuyết minh số 6 và thuyết minh số 20, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty đã trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi 6.250.054.278 VND liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 3 năm 2025: 6.250.054.278 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi từng kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu chuyển nhượng cổ phần	59.075.900.000	59.075.900.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	11.186.401.432	11.584.045.831
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	30.963.495.549	26.598.455.531
Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	11.025.641.935	9.826.841.935
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	4.070.835.000	6.769.824.000
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	2.387.229.550	1.603.883.824
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	1.714.203.172	876.840.856
Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công Nghệ CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	111.109.205	107.383.433
Công ty Cổ phần CMC Open AI	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu cung cấp dịch vụ	8.030.405	9.499.270
			19.683.000	10.935.000
			1.846.800	-
TỔNG CỘNG			120.564.376.048	116.463.609.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)				
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải thu về cho vay	34.570.000.000	22.970.000.000
TỔNG CỘNG			34.570.000.000	22.970.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	249.097.784.186	254.097.784.186
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu chi hộ Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu lãi cho vay	2.826.921.477 101.580.000.000	4.152.540.817 103.880.000.000
Công ty TNHH CMC Blue France	Công ty con	Phải thu chi hộ	6.250.054.278	6.250.054.278
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu khác	2.214.157.827	2.214.157.827
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu chi hộ	783.378.900	778.378.900
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	1.800.189.880	1.039.466.634
Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công Nghệ CMC	Công ty con	Phải thu chi hộ	2.687.457.328	3.540.908.140
Các đối tượng khác	Công ty con	Phải thu chi hộ	37.251.247	19.876.714
TỔNG CỘNG			367.277.195.123	376.042.117.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	4.909.464.704	13.481.879.049
Công ty TNHH CMC Consulting	Công ty con	Mua dịch vụ	510.988.237	448.220.708
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	597.265.500	-
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	-	792.543.594
TỔNG CỘNG			6.017.718.441	14.722.643.351
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)				
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải trả lãi vay	12.743.379.686	11.365.398.560
TỔNG CỘNG			12.743.379.686	11.365.398.560
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 19)				
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Nhận ký quỹ, ký cược	25.881.249.971	25.765.572.371
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Nhận ký quỹ, ký cược	2.788.401.600	2.788.401.600
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Nhận ký quỹ, ký cược	608.768.000	608.768.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Nhận ký quỹ, ký cược	357.654.960	357.654.960
TỔNG CỘNG			29.636.074.531	29.520.396.931
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 20)				
Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI (*)	Công ty con	Vay ngắn hạn	281.326.800.000	185.850.000.000
TỔNG CỘNG			281.326.800.000	185.850.000.000

(*) Đây là khoản vay tín chấp, có kỳ hạn trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 25 tháng 3 năm 2026 và chịu lãi suất 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, số dự các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Vay dài hạn (Thuyết minh số 20)				
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng (*)	Công ty con	Vay dài hạn	91.614.410.000	91.614.410.000
TỔNG CỘNG			91.614.410.000	91.614.410.000

(*) Đây là khoản vay tín chấp, có kỳ hạn trả gốc và lãi vào ngày 26 tháng 3 năm 2027 và chịu lãi suất là 3%/năm.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Điều hành và Ban Kiểm soát trong kỳ:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập (*)</i>	
		<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	218.400.000	210.447.619
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Kwon Oh Soo	Thành viên HĐQT	39.600.000	-
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên HĐQT đến ngày 25 tháng 7 năm 2024	-	39.600.000
Ông Gum Ki Ho	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Hồ Thanh Tùng	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn/Tổng Giám Đốc	-	736.380.953
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	243.000.000	232.380.952
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Giám đốc Tài chính từ ngày	558.000.000	448.572.079
Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên Ban kiểm soát	484.200.000	445.638.095
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	46.500.000
Bà Mai Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	331.800.000	254.300.000
TỔNG CỘNG		2.182.200.000	2.691.019.698

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Lĩnh vực cho thuê văn phòng</i>	<i>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ và hàng hóa khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025			
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài</i>	127.639.141.366	4.130.000.000	131.769.141.366
Tổng doanh thu	127.639.141.366	4.130.000.000	131.769.141.366
Kết quả			
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	68.897.315.546	3.068.015.469	71.965.331.015
<i>Chi phí bán hàng</i>	(532.490.509)	-	(532.490.509)
<i>Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)</i>			23.815.531.782
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>			95.248.372.288
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>			-
<i>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</i>			(28.998.170)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			95.219.374.118
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025			
<i>Tài sản và công nợ</i>			
<i>Tài sản bộ phận</i>	630.168.212.506	14.287.241.935	644.455.454.441
<i>Tài sản không phân bổ (ii)</i>			3.068.048.365.456
Tổng tài sản			3.712.503.819.897
<i>Nợ phải trả bộ phận</i>	3.657.665.780	-	3.657.665.780
<i>Nợ phải trả không phân bổ (iii)</i>			1.248.222.895.874
Tổng nợ phải trả			1.251.880.561.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực cho thuê văn phòng	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ và hàng hóa khác	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024			
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài</i>	120.042.296.722	1.110.000.000	121.152.296.722
Tổng doanh thu	120.042.296.722	1.110.000.000	121.152.296.722
Kết quả			
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	69.176.358.668	786.926.859	69.963.285.527
<i>Chi phí bán hàng</i>	(460.624.792)	-	(460.624.792)
<i>Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)</i>			21.072.851.077
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>			90.575.511.812
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>			-
<i>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</i>			(28.998.170)
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>			90.546.513.642
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025			
Tài sản và công nợ			
<i>Tài sản bộ phận</i>	659.713.945.295	16.350.041.935	676.063.987.230
<i>Tài sản không phân bổ (ii)</i>			2.915.250.536.898
Tổng tài sản			3.591.314.524.128
<i>Nợ phải trả bộ phận</i>	3.422.196.028	-	3.422.196.028
<i>Nợ phải trả không phân bổ (iii)</i>			1.182.932.955.831
Tổng nợ phải trả			1.186.355.151.859

- (i) Thu nhập, chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp;
- (ii) Ngoại trừ khoản mục phải thu khách hàng và tài sản cố định hữu hình được phân bổ theo từng bộ phận, các tài sản còn lại là tài sản không được phân bổ;
- (iii) Nợ phải trả không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục chi phí phải trả, phải trả người lao động, phải trả khác, thuế, các khoản vay, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. CÁC CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 513,3 tỷ VND liên quan đến việc thực hiện Dự án "Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội - CMC Creative Space Hanoi" và Dự án "Không gian sáng tạo CMC tại Thành phố Hồ Chí Minh - CMC Creative Space HCM".

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025 (*)</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Dưới 1 năm	209.132.373.282	184.211.697.609
Từ 1 năm – 5 năm	384.815.419.741	329.524.437.152
Trên 5 năm	43.084.791.601	73.527.926.659
TỔNG CỘNG	<u>637.032.584.623</u>	<u>587.264.061.420</u>

(*) Số dư cam kết cho thuê hoạt động tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 bao gồm các khoản cam kết từ các bên liên quan với tổng số tiền vào khoản 552 tỷ VND.

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
Dưới 1 năm	7.777.224.898	7.777.224.898
Từ 1 năm - 5 năm	31.108.899.592	31.108.899.592
Trên 5 năm	243.416.985.462	262.870.701.440
TỔNG CỘNG	<u>282.303.109.952</u>	<u>301.756.825.930</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 8 tháng 10 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐQT về việc phê duyệt mua lại toàn bộ số cổ phần Công ty cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC Telecom mà Công ty TNHH Tổng công ty Công nghệ và Giải pháp CMC đang nắm giữ. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc mua cổ phần nói trên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2025, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐQT về việc "Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu triển khai dự án CMC Starlake" liên quan đến việc chào bán và phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo hình thức riêng lẻ, với tổng mệnh giá trái phiếu là 1.250.000.000.000 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đã hoàn thành việc phát hành trái phiếu nói trên.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 11 năm 2025



Nguyễn Hồng Phương
Người lập kiêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuệ
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn